



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ I
MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 8

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

1. Nội dung kiến thức trọng tâm: bài 3,4,5.

2. Câu hỏi tham khảo

A. Trắc nghiệm**Bài 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**

Câu 1. Sự kiện mở đầu cho quá trình các nước phương Tây xâm lược Đông Nam Á là:

- A. Bồ Đào Nha xâm lược Ma-lắc-ca.
- B. Tây Ban Nha, Anh lập thương điểm ở In-đô-nê-xi-a.
- C. thực dân Anh xâm nhập Mã Lai và Miến Điện.
- D. thực dân Anh xâm nhập vào Xiêm.

Câu 2. Dưới tác động của quá trình xâm lược và đặt ách cai trị của thực dân phương Tây, xã hội Đông Nam Á có chuyển biến nào sau đây?

- A. Xuất hiện giai cấp địa chủ.
- B. Xuất hiện các giai cấp và tầng lớp mới.
- C. Xuất hiện thêm giai cấp địa chủ và tư sản.
- D. Tầng lớp quý tộc mới chiếm tỉ lệ đông đảo nhất.

Câu 3. Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến bùng nổ cuộc xung đột Trịnh - Nguyễn là do:

- A. phạm vi ảnh hưởng của họ Nguyễn lớn, lan rộng khắp Bắc Bộ.
- B. mâu thuẫn gay gắt giữa vua Lê và chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.
- C. sự liên kết giữa Vương triều Mạc và chính quyền họ Nguyễn.
- D. mâu thuẫn giữa chính quyền Lê - Trịnh và họ Nguyễn gia tăng.

Câu 4. Ý nào **không phải** là chính sách cai trị về kinh tế của thực dân phương Tây đối với các nước ở khu vực Đông Nam Á?

- A. Đẩy mạnh vơ vét, bóc lột người dân bản xứ, xây dựng những ngành công nghiệp chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng.
- B. Cướp đoạt ruộng đất để lập đồn điền, ép chính quyền bản xứ nhượng quyền khai khẩn đất hoang,...
- C. Mở rộng hệ thống đường giao thông nhằm phục vụ khai thác kinh tế và đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân thuộc địa.
- D. Chú trọng cao nhất mở mang các ngành công nghiệp nặng nhằm thu lợi nhuận.

Câu 5. Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự khủng hoảng của nhà Lê ở đầu thế kỉ XVI?

- A. Sự tranh chấp giữa các phe phái phong kiến diễn ra quyết liệt.
- B. Các cuộc khởi nghĩa nông dân đã lật đổ nhà Lê.
- C. Xung đột Nam - Bắc triều diễn ra trong nhiều năm.
- D. Xung đột Trịnh - Nguyễn dẫn đến chia cắt đất nước.

Câu 6. Hệ quả lớn nhất của cuộc xung đột Trịnh - Nguyễn là:

- A. đất nước bị chia cắt thành Đàng Trong - Đàng Ngoài.
- B. hai bên trải qua bảy lần giao chiến.
- C. hình thành cục diện vua Lê - chúa Trịnh.
- D. hình thành cục diện chúa Nguyễn - chúa Trịnh.

Câu 7. Điểm khác biệt trong hệ quả của cuộc xung đột Trịnh - Nguyễn so với cuộc xung đột Nam - Bắc triều là gì?

- A. Hình thành cục diện vua Lê - chúa Trịnh, chúa Nguyễn.
- B. Nhân dân đói khổ, khốn cùng vì đi phu, đi lính.
- C. Đồng ruộng, xóm làng bị tàn phá.

D. Giao thương giữa các vùng bị ngăn trở do đất nước bị chia cắt.

Câu 8. Tư liệu nào sau đây là bằng chứng cho việc thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn trong các thế kỉ XVII-XVIII?

A. Bản đồ Hồng Đức.

B. Bản đồ do Đỗ Bá vẽ.

C. Mộc bản Triều Nguyễn.

D. An Nam đại quốc hoạ đồ.

Câu 9. Quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn (thế kỉ XVII - XVIII) có ý nghĩa nào sau đây?

A. Đặt cơ sở cho sự thành lập Vương triều Nguyễn.

B. Tránh được sự nhòm ngó, xâm lược của thực dân Pháp.

C. Khẳng định việc xác lập chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo.

D. Khẳng định chủ quyền duy nhất của Việt Nam trên khu vực Biển Đông.

Câu 10. Phủ Gia Định được thành lập năm 1698 là dấu mốc quan trọng của người Việt vì:

A. đã khẳng định bước tiến của công cuộc khai phá vùng đất phía Nam.

B. đã mở đầu công cuộc khai phá vùng đất phía Nam.

C. đã hoàn thành công cuộc khai phá vùng đất phía Nam.

D. đã hoàn thiện hệ thống chính quyền ở vùng đất phía Nam.

Bài 2. Câu trắc nghiệm đúng, sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau và chọn **đúng** hoặc **sai** trong mỗi ý A, B, C, D.

“Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư (Tập bản đồ chỉ dẫn đi đường ở trời Nam), phần phủ Quảng Ngãi, quyển 1, trong tập Hồng Đức bản đồ, do Đỗ Bá biên soạn vào thế kỉ XVII. Phần chú giải trên bản đồ ghi rõ: “Giữa biển có một bãi cát dài, gọi là Bãi Cát Vàng, dài độ 400 dặm, rộng 20 dặm, đứng dựng giữa biển. Từ cửa biển Đại Chiêm đến cửa Sa Vinh, mỗi lần có gió Tây - Nam thì thương thuyền các nước ở phía trong trôi dạt về đây; gió Đông - Bắc thì thương thuyền phía ngoài cũng trôi dạt ở đây, đều cùng chết đói hết cả. Hàng hoá đều ở nơi đó. Họ Nguyễn mỗi năm, vào tháng cuối mùa đông đưa mười tám chiếc thuyền đến lấy hoá vật, phần nhiều là vàng, bạc, tiền tệ, sừng đàn...”.”

(Viện Khảo cổ, Hồng Đức bản đồ, Sài Gòn, 1962)

A. Theo đoạn tư liệu trên, Đỗ Bá là người biên soạn Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư vào thế kỉ XVII.

B. Bãi Cát Vàng dài độ 400 dặm, rộng 20 dặm, đứng dựng giữa biển. Bãi Cát Vàng được mô tả ở phần chú giải trên bản đồ.

C. Thuyền của chúa Nguyễn hay bị trôi dạt vào Bãi Cát Vàng theo gió mùa. Thuyền của nước ngoài bị đắm nhiều ở khu vực Bãi Cát Vàng, từ cửa Đại Chiêm đến cửa Sa Vinh.

D. Hằng năm, chúa Nguyễn đều cử mười tám chiếc thuyền ra gom hàng hoá, vật phẩm ở Bãi Cát Vàng.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau và chọn **đúng** hoặc **sai** trong mỗi ý A, B, C, D.

“... Nhưng dù hai bên có thắng hay không thì cuối cùng cuộc tranh chấp giữa hai tập đoàn phong kiến này đã gây ra nhiều đau thương, tổn thất cho nhân dân trong cả nước. Nó làm kiệt quệ sức người sức của của nhân dân, tàn phá nhiều đồng ruộng xóm làng, giết hại nhiều người dân vô tội; kéo cả nước vào cuộc nội chiến tranh máu tương tàn để rồi phân chia đất nước ra làm hai, lấy sông Gianh làm giới tuyến gây ngăn cách cho nhân dân hai miền suốt nhiều năm.”

(Trần Thị Vinh (chủ biên), Lịch sử Việt Nam, Tập 4, Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, tr.64)

A. Phản ánh tình hình đất nước khi Vương triều Mạc được thành lập.

B. Nguyên nhân bùng nổ xung đột Trịnh - Nguyễn.

C. Cuộc xung đột Nam - Bắc triều đã gây ra nhiều đau thương, tổn thất cho nhân dân trong cả nước.

D. Hậu quả của cuộc xung đột Trịnh - Nguyễn.

Bài 3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 1. Vào cuối thế kỉ XIX, thực dân nào xâm chiếm và hoàn thành xâm lược Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia?

Câu 2. Sự kiện nào diễn ra năm 1611 đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình khai phá vùng đất phía Nam của các chúa Nguyễn?

Câu 3. Nêu kết quả của các cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á chống ách đô hộ của thực dân phương Tây.

Câu 4. Năm 1527, ở Đại Việt diễn ra sự kiện lịch sử gì?

Câu 5. Trong các thế kỉ XVI - XVIII, Đại Việt đã thực hiện quá trình khai phá ở khu vực nào?

Câu 6. Hoạt động khai thác, thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn ở thế kỉ XVII - XVIII được thực hiện qua tổ chức nào?

Câu 7. Nêu hệ quả chung của các cuộc xung đột Nam - Bắc triều và xung đột Trịnh - Nguyễn?

Câu 8. Ranh giới địa lý chia cắt đất nước thành Đàng Trong – Đàng Ngoài sau cuộc xung đột Trịnh – Nguyễn là ở đâu?

B. Tự luận

Câu 1. Có ý kiến cho rằng: Các nước tư bản phương Tây xâm chiếm Đông Nam Á là để giúp đỡ những nước này thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Em đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

Câu 2. Trình bày quá trình các chúa Nguyễn xác lập và thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Nêu ý nghĩa của những việc làm đó. Là học sinh, em cần làm gì để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc?

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

A. Nội dung kiến thức trọng tâm

Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam

Bài 2. Địa hình Việt Nam (giới hạn đến hết phần địa hình đồi núi)

B. Bài tập tham khảo

Bài 1. Tự luận

Câu 1. Hãy chứng minh địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 2. Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với khí hậu của nước ta.

Bài 2. Dạng câu hỏi trả lời ngắn

Câu 1. Vùng biển của nước ta thuộc Biển Đông có diện tích khoảng bao nhiêu km²?

Câu 2. Đường biên giới trên đất liền của nước ta dài khoảng bao nhiêu km?

Câu 3. Nêu 2 ví dụ tác động của con người làm thay đổi địa hình ở nước ta.

Câu 4. Nước ta nằm ở nơi giao nhau của hai vành đai sinh khoáng nào?

Câu 5. Đặc điểm vị trí địa lí nào làm cho sinh vật nước ta phong phú, đa dạng?

Câu 6. Dạng địa hình đồng bằng ở nước ta phân bố chủ yếu ở đâu?

Câu 7. Địa hình nước ta nghiêng theo hướng nào?

Câu 8. Từ tây sang đông ở nước ta có các bậc địa hình chính nào?

3. Dạng câu hỏi trả lời đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau và cho biết các nhận định A,B,C,D dưới đây đúng hay sai.

“ Khu vực đồi núi Việt Bắc và Đông Bắc có không gian phân bố ở phía đông bắc đứt gãy sông Hồng. Độ cao trung bình dưới 1000m, giảm dần từ 1000 – 2000m ở phía tây bắc xuống dưới 500m ở phía nam và đông nam. Địa hình bị chia cắt mạnh, đặc biệt là vùng sơn nguyên và núi đá vôi ở phía bắc với nhiều sườn dốc trên 50⁰. Địa hình chủ yếu là đồi và núi thấp, hướng cánh cung bao quanh khối thượng nguồn sông Chảy và mở rộng về phía bắc như cánh cung Sông Gâm, cánh cung Ngân Sơn, cánh cung Bắc Sơn, cánh cung Đông Triều và duyên hải Hạ Long. Phù hợp với cấu trúc địa chất, địa hình cánh cung là các sông Gâm, sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam.”

(Trích Địa lí tự nhiên Việt Nam, Nhà xuất bản Đại học sư phạm).

A. Vùng núi Đông Bắc nằm bên phải của sông Hồng.

B. Độ cao trung bình của vùng dưới 1000 m.

C. Khi đi từ đông sang tây, độ cao địa hình của khu vực có xu hướng thấp dần.

D. Sông ngòi của khu vực có hướng chảy giống với các dãy núi ở đây.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau và cho biết các nhận định A,B,C,D dưới đây đúng hay sai.

“ Khu vực đồi núi cao nguyên Tây Bắc: có giới hạn nằm trong khu vực sông Hồng và sông Cả. Đây là khu vực vùng núi cao và đồ sộ nhất nước ta, với độ cao trung bình trên 1000m. Các mạch núi và cao nguyên lớn, chủ yếu có hướng tây bắc – đông nam. Phía đông là dãy Hoàng Liên Sơn cao đồ sộ nhất cả nước.... Phía tây là dãy núi biên giới Việt – Lào (cánh cung sông Mã). Xen giữa các dãy núi, cao nguyên là các thung lũng sông hướng tây bắc – đông nam và những đồng bằng cao trên núi có diện tích nhỏ.

(Trích Địa lí tự nhiên Việt Nam, Nhà xuất bản Đại học sư phạm).

- A. Khu vực đồi núi cao nguyên Tây Bắc nằm phía bên phải của sông Hồng.
- B. Trong khu vực, phía đông có địa hình thấp hơn so với phía tây.
- C. Khu vực có nhiều dãy núi chạy dọc biên giới Việt – Lào.
- D. Các dãy núi và sông của khu vực có hướng chính là tây bắc – đông nam.

Bài 4. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Địa hình cacx-tơ phát triển phổ biến trên lãnh thổ nước ta thể hiện đặc điểm nào của địa hình nước ta?

- A. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp
- B. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người
- C. Địa hình mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa
- D. Địa hình có nhiều bậc kế tiếp nhau.

Câu 2. Diện tích phần đất liền của nước ta là:

- A. 331 212 km²
- B. 331 344 km²
- C. 321 344 km²
- D. 321 212 km²

Câu 3. Đường bờ biển nước ta có chiều dài khoảng:

- A. 3630 km.
- B. 3260 km.
- C. 3313 km.
- D. 2360 km.

Câu 4. Nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh diện tích của vùng biển so với vùng đất nước ta?

- A. Diện tích vùng biển lớn hơn gấp 3 lần diện tích vùng đất của nước ta.
- B. Diện tích vùng đất lớn hơn gấp 3 lần diện tích vùng biển của nước ta.
- C. Diện tích vùng biển của nước ta nhỏ hơn 3 lần diện tích vùng đất của nước ta.
- D. Diện tích vùng biển khoảng 1 triệu km², trong biển có hàng nghìn đảo và quần đảo.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây đúng và đủ về khái niệm vùng trời?

- A. Vùng trời là khoảng không gian bao trùm trên diện tích đất liền và vùng biển Đông bao gồm cả không gian trên các đảo, quần đảo.
- B. Vùng trời là khoảng không gian bao trùm trên các đảo, quần đảo và diện tích biển Đông.
- C. Vùng trời là khoảng không gian bao trùm trên phần đất liền.
- D. Vùng trời là khoảng không gian trên đất liền, mở rộng đến hết ranh giới ngoài lãnh hải và không gian trên các đảo và quần đảo.

Câu 6. Địa hình nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ
- B. Hướng chính của địa hình là hướng đông bắc – tây nam
- C. Các đồng bằng rộng lớn phân bố ở phía tây
- D. Trong giai đoạn Tân kiến tạo, địa hình được nâng lên tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau thấp dần từ đất liền ra biển.

Câu 7. Trong khu vực đồi núi, phần lớn đồi núi nước ta:

- A. có độ cao trên 1000 m
- B. có độ cao dưới 1000 m
- C. có độ cao trên 2000 m
- D. có độ cao dưới 500 m

Câu 8. Dạng địa hình đồng bằng ở nước ta chiếm mấy phần diện tích đất liền?

- A. 1/2
- B. 2/3
- C. 1/4
- D. 1/3

Câu 9. Địa hình nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích phân bố chủ yếu ở phía tây.
- B. Hướng chính của địa hình là hướng tây bắc – đông nam và hướng vòng cung
- C. Các đồng bằng rộng lớn phân bố ở phía tây
- D. Trong giai đoạn Tân kiến tạo, địa hình được nâng lên tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau thấp dần từ đất liền ra biển.

Câu 10. Lãnh thổ thống nhất và toàn vẹn của nước ta bao gồm các bộ phận:

A. Vùng đất, vùng biển Đông, vùng trời.

B. Vùng đất, vùng biển, các đảo và quần đảo.

C. Vùng đất, vùng biển, vùng trời.

D. Vùng đất, các đảo, quần đảo và vùng trời.

Chúc các con ôn tập và làm bài kiểm tra đạt kết quả cao!